**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 19** *(Từ 9.1.2023 – 13.1.2023)*

**Cách ngôn*:******“Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng”***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/**  **Ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn học** | **Tên bài dạy** |
| **Hai**  *9/1/2023* | **Sáng** | 1 | HĐTT | Bài 18: Tiết 1: Sinh hoạt dưới cờ: Cùng người thân sắm Tết |
| 2 | Toán | Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (Tiết 1) |
| 3 | Tiếng Việt | Bầu trời (Tiết 1) |
| 4 | Tiếng Việt | Bầu trời (Tiết 2) |
| **Chiều** | 1 | Tiếng Việt | Bầu trời (Tiết 3) |
| 2 | TN&XH | Sử dụng hợp lý động vật và thực vật (Tiết 1) |
| 3 | Đạo đức | Tích cực hoàn thành nhiệm vụ (Tiết 2) |
| **Ba**  *10/1/2023* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | Toán | Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (Tiết 2) |
| 2 | Tiếng Việt | Mưa (Tiết 1) |
| 3 | Tiếng Việt | Mưa (Tiết 2) |
| **Tư**  *11/1/2023* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 | Toán | Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (Tiết 3) |
| 4 | L. Toán | Ôn luyện tuần 19 |
| **Năm**  *12/1/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | So sánh các số trong phạm vi 10 000 (Tiết 1) |
| 2 | Tiếng Việt | Mưa (Tiết 3) |
| 3 | KNS | Kỹ năng lắng nghe tích cực (Tiết 1) |
| 4 | HĐTN | Bài 18: Tiết 2: HĐGDTCĐ: Lao động và thu nhập gia đình |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Sáu**  *13/1/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | So sánh các số trong phạm vi 10 000 (Tiết 2) |
| 2 | Tiếng Việt | Mưa (Tiết 4) |
| 3 | ĐS | Đọc sách tại thư viện |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | L.TV | Ôn luyện tuần 19 |
| 2 | TN&XH | Sử dụng hợp lý động vật và thực vật (Tiết 2) |
| 3 | HĐTN | Bài 18: Tiết 3: SHL: SHTCĐ: Mua sắm tiết kiệm |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 8: CÁC SỐ ĐẾN 10 000**

**Bài 46: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS biết cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000; xác định được số lớn nhất hoặc bé nhất trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000); thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn vầ ngược lại trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Chia lớp thành 2 đội. Gv đưa ra 5 số và cách đọc các số đó. Gọi mỗi đội 3 HS, YC HS gắn cách đọc với các số tương ứng. Nhóm nào gắn nhanh nhất thì giành chiến thắng  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  - GV YC HS quan sát hình ảnh trong phần khám phá và đọc lời thoại trong nhóm đôi.  - GV sử dụng các mô hình nghìn, trăm, chục, đơn vị xếp thành các số cho HS quan sát rồi so sánh.  - GV lấy một số VD khác, YC HS nêu cấu tạo số của những số đó rồi làn lượt so sánh từ hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.  - YC HS nêu cách so sánh của từng cặp số. Sau đó rút ra kết luận.  **=> GV chốt:**  + Trong hai số, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn;  + Nếu hai só có cùng số các chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng kể từ trái qua phải  + Nếu hai số có cùng số chữ số và từng cặp chữ số ở cùng một hàng đều giống nhau thì hai số đó bằng nhau | - HS quan sát, đọc lời thoại trong nhóm đôi  - HS quan sát và thực hiện theo  - HS thực hiện so sánh các cặp số để rút ra kết luận  - 2-3 HS nêu cách so sánh.  + Trong hai số, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn;  + Nếu hai só có cùng số các chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng kể từ trái qua phải  + Nếu hai số có cùng số chữ số và từng cặp chữ số ở cùng một hàng đều giống nhau thì hai số đó bằng nhau HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung  - HS lắng nghe và nhắc lại |
| **3. Hoạt động**  **Bài 1:**    - Gọi HS đọc YC bài.  - GV YC HS làm vở  - Gọi HS đọc nối tiếp các ý trong bài  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2:**    - Gọi HS đọc bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra đáp án  - Gọi các nhóm trả lời từng câu hỏi  ? Em làm thế nào để tìm ra bạn ra khỏi mê cung qua cửa ghi số lớn nhất/bé nhất?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3:**    - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS làm vở, trao đổi chéo vở để kiếm tra bài  - Gọi các nhóm báo cáo  ? Để sắp xếp tên các cây cầu theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất em đã làm như thế nào?  - GV chốt lại đáp án đúng, nhận xét, tuyên dương | - Điền dấu <, >, = vào ô trống  - HS làm bài cá nhân  - HS nối tiếp đọc. HS NX  a/ 856 < 7560  5 831 > 5381  6 742 < 7 624  8 905 < 8 955  b/ 6 500 > 600 + 5  4100 = 4000 + 100  1 001 > 100 + 1  3257 = 3 000 + 200 + 50 + 7  - 2 -3 HS đọc.  - Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  - HS làm việc theo nhóm  - Các nhóm trả lời. Nhóm khác nhận xét, bổ sung  a/ Bạn Việt ra khỏi mê cung qua cửa ghi số 1 240; Bạn Nam ra cửa ghi số 2 401; Bạn Mai ra cửa ghi số 1 420  b/ Bạn Nam ra khỏi mê cung qua cửa ghi số lớn nhất  c/ Bạn Việt ra khỏi mê cung qua cửa ghi số nhỏ nhất  - 2 -3 HS đọc.  - Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  - HS làm bài cá nhân, trao đổi chéo vở  - 3-4 nhóm báo cáo kết quả  a/ Trong những cây cầu đó, cây cầu Đình Vũ –Cát Hải dài nhất, cây cầu Cần Thơ ngắn nhất  b/ Tên những cây cầu theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất: Cầu Đình Vũ, cầu Vĩnh Thịnh, cầu Nhật Tân, cầu Cần Thơ |
| **4. Vận dụng.**  - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  - GV tóm tắt nội dung chính.  - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  - GV tiếp nhận ý kiến.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ý kiến |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.....................................................................................................................................

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 8: CÁC SỐ ĐẾN 10 000**

**Bài 46: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000; xác định được số lớn nhất hoặc bé nhất trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi 10 000); thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn vầ ngược lại trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 10 000)

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng. Chia lớp thành 2 đội. Gv đưa ra 5 thẻ ghi các số trong phạm vi 10 000. Gọi mỗi đội 3 HS, YC HS gắn sắp xếp các số cho sẵn theo thứ tự từ bé đến lớn. Đội nào sắp xếp nhanh và chính xác đội đó dành chiến thắng  - GV YC HS nhắc lại cách so sánh các số trong PV 10 000  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - 2 -3 HS nhắc lại. HS khác lắng nghe, nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  **Bài 1:**    - Gọi HS đọc YC bài.  - GV YC HS làm vở  - Gọi HS đọc nối tiếp các ý trong bài. GV YC HS giải thích một số ý  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2:**    - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra đáp án  - Gọi đại diện nhóm trả lời  ? Em làm thế nào để tìm ra được túi nào được ăn cuối cùng  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3:**    - Gọi HS đọc bài toán  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS làm vở, trao đổi chéo vở để kiếm tra bài  - Gọi các nhóm báo cáo  - GV chốt lại đáp án đúng, nhận xét, tuyên dương  ? Để sắp xếp tên các đỉnh núi theo thứ tự từ thấp nhất đến cao nhất em đã làm như thế nào?  **Bài 4:**    - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS làm việc nhóm đôi, một bạn hỏi một bạn trả lời  - Đại diện nhóm lên chia sẻ  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 5:**  - Gọi HS đọc bài toán  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV YC HS làm việc cá nhân, chia sẻ trước lớp  ? Em đã làm thế nào để tìm ra được số bé nhất có 4 chữ số mà bạn Mai đã tạo ra?  ? Số lớn nhất có bốn chữ số được tạo ra từ những tấm thẻ đó là số nào?  - GV nhận xét, tuyên dương | - Điền Đ vào câu đúng, điền S vào câu sai trong những ý sau  - HS làm bài cá nhân  - HS nối tiếp đọc. HS nhận xét  Đ  a/ 10 000 > 9 999  6120 < 6102  S  4275 > 2754  S  **Đ**  6742 > 6743  Đ  b/ 3080 = 3000 + 80  S  5600 < 500 + 60  S  900 + 80 > 9080  Đ  9876 = 9000 + 800 + 70 + 6  - 2 -3 HS đọc.  - Yêu cầu tim túi được ăn cuối cùng  - HS làm việc theo nhóm  - Đại diện vài nhóm trả lời. Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Đáp án: Túi ăn cuối cùng là túi màu xanh lá cây  - Em so sánh các số ghi trên các túi. Em thấy túi màu xanh có ghi số nhỏ nhất  - 2 -3 HS đọc.  - Nêu tên các đỉnh núi đó theo thứ tự từ đỉnh núi thấp nhất đến đỉnh núi cao nhất  - HS làm bài cá nhân, trao đổi chéo vở  - 3-4 nhóm báo cáo kết quả trao đổi: tên các đỉnh núi sắp xếp theo thứ tự từ đỉnh núi thấp nhất đến đỉnh núi cao nhất là: đỉnh Tây Côn Lĩnh, đỉnh Lảo Thẩn, đỉnh Pu Si Lung, đỉnh Phan-xi-păng  - HS trả lời: em đã so sánh độ cao của các đỉnh núi.  - Điền số thích hợp vào ô trống  - HS làm việc theo nhóm  - Các nhóm chia sẻ. Nhận xét  - Đáp án:  + Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau: 1023  + Số bé nhất có bốn chữ số giống nhau: 1111  + Số bé nhất có bốn chữ số: 1000  + Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau: 9876  + Số lớn nhất có bốn chữ số: 9999  - 2 -3 HS đọc.  - Tìm số có bốn chữ số bé nhất mà Mai có thể tạo ra là số nào?  - HS làm việc cá nhân, chia sẻ  + Số có bốn chữ số bé nhất mà Mai có thể tạo ra là: 2037  - Em lập các số có bốn chữ số rồi so sánh các số vừa tạo được  - Số lớn nhất có bốn chữ số được tạo ra từ những tấm thẻ đó là: 7320 |
| **4. Vận dụng.**  - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  - GV tóm tắt nội dung chính.  - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  - GV tiếp nhận ý kiến.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS trả lời  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ý kiến |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 01: BẦU TRỜI (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc đúng, rõ ràng bài *“Bầu trời”* , ngữ liệu phù hợp với cảnh thiên nhiên sinh động; biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

- Nhận biết được một số thông tin về bầu trời: những sự vật có trên bầu trời, màu sắc, tầm quan trọng của bầu trời đối với muôn vật.

- Hiểu nội dung bài: Bài văn nói về vẻ đẹp và vai trò của bầu trời đối với cuộc sống của muôn loài trên Trái Đất.

- Nói được những hiểu biết, cảm nhận của bản thân về bầu trời.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý, bảo vệ bầu trời, bảo vệ trái đất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV cho HS hát và vận động theo nhạc để khởi động bài học.  - GV chiếu tranh lên bảng.  - GV giới thiệu chủ đề mới: *Những sắc màu thiên nhiên.*  - GV chiếu tranh lên bảng.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi quan sát bầu trời và cho biết:  + *Nói về những gì em thấy trên bầu trời?*  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS quan sát tranh  - Lắng nghe  - HS quan sát tranh  + Trả lời: Những đám mây trắng, xốp nhẹ, nằm lửng lơ trên bầu trời: Mặt trời tỏa ánh nắng rực rỡ. Những tia nắng chiếu rọi xuống mặt đất khiến cho cây lá trở nên xanh biếc; Đàn chim sải cánh bay lên bầu trời cao xanh vời vợi, đón nhận ánh nắng rực rỡ,…  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại đầu bài - Ghi vở |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  - GV HD đọc: Đọc đúng, rõ ràng ngắt nghỉ hơi đúng chỗ, giọng đọc thể hiện được cảm xúc tươi vui trước vẻ đẹp sinh động của bầu trời; lên cao giọng và nhấn giọng ở hai câu hỏi và đoạn cuối.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: (3 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *gió nhẹ.*  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *cầu vồng*.  + Đoạn 3: Còn lại.  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *xanh biếc, giọt mưa, dập dờn, rực rỡ, duy trì, sức sống,…*  - Luyện đọc câu dài: *Bạn có thể thấy/ những con chim đang bay,/những vòm cây xanh biếc,/ những tia nắng/ xuyên qua những đám mây trắng muốt như bông.//*  - HD HS giải nghĩa từ:  + dập dờn:  + duy trì:  - GV cho HS giải nghĩa từ  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm.  - GV nhận xét các nhóm.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Nhìn lên bầu trời có thể thấy những gì?  + Câu 2: Màu sắc của bầu trời như thế nào?  + Câu 3: Bầu trời quan trọng như thế nào đối với mọi người, mọi vật?  + Câu 4: Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn trong bài.    **\* GDKNS, tích hợp giáo dục BĐKH**: Biết yêu quý, bảo vệ bầu trời, bảo vệ trái đất, giữ gìn môi trường sống bằng những việc làm cụ thể như không xả rác thải, khí thải, chất thải ra môi trường, trồng nhiều cây xanh.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Bài văn nói về vẻ đẹp và vai trò của bầu trời đối với cuộc sống của muôn loài trên Trái Đất.***  **2.3. Hoạt động : Luyện đọc lại.**  - GV đọc diễn cảm toàn bài.  - HS đọc nối tiếp, Cả lớp đọc thầm theo. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu dài.  + dập dờn: *chuyển động nhịp nhàng, lúc gần lúc xa, lúc ẩn lúc hiện.*  + duy trì: *giữ cho tiếp tục tồn tại trong tình trạng như cũ.*  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi.  + Thấy những chú chim, những vòm cây, những tia nắng, những đám mây trắng muốt, những giọt mưa, đàn bướm.  + Màu xanh lơ vào ban ngày, màu đen vào ban đêm. Tuy vậy, tùy vào thời tiết mà bầu trời có nhiều màu sắc đa dạng. Có khi có cả bảy sắc cầu vồng.  + Bầu trời bao quanh Trái Đất, cung cấp không khí cho con người, loài vật và cây cối.    - Lắng nghe  - HS nêu theo hiểu biết của mình.  - 2-3 HS nhắc lại |
| 1. **Nói và nghe: Bầu trời trong mắt em** | |
| * 1. **Hoạt động 3: Ngắm nhìn bầu trời.**   - GV gọi HS đọc chủ đề và yêu cầu nội dung.  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: HS nói 3 - 5 câu về bầu trời trong ngày hôm nay.  + Đặc điểm của bầu trời (màu sắc, độ cao, độ rộng,…)  + Cảnh vật xuất hiện trên bầu trời.  + Cảm nhận của em về bầu trời  - GV khuyến khích HS nói về bầu trời theo cách nhìn của riêng mình.  - GV nhắc HS quan sát bầu trời vào những thời điểm khác nhau trong ngày: bầu trời buổi sáng trước giờ em đi học; bầu trời vào buổi trưa, bầu trời vào buổi chiều,…  - Gọi HS trình bày trước lớp.  - GV nận xét, tuyên dương.   * 1. **Hoạt động 4: Khám phá những điều thú vị trên bầu trời.**   - GV gọi HS đọc yêu cầu trước lớp.  - GV cho HS làm việc nhóm 2: Nếu vẽ tranh về bầu trời em sẽ vẽ những gì?  - Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc to chủ đề: Bầu trời trong mắt em.  - HS thảo luận nhóm và nói về bầu trời trong ngày hôm nay.  - HS trình bày trước lớp, HS khác có thể nêu câu hỏi. Sau đó đổi vai HS khác trình bày.  - Mỗi HS nói 3 - 5 câu.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS chia sẻ với bạn suy nghỉ của mình. |
| **4. Vận dụng.** | |
| + GV cho HS vẽ tranh về bầu trời.  - Mời HS chia sẻ với các bạn về bức tranh của mình.  - Nhận xét, tuyên dương  **\* Liên hệ**: Em đã làm gì để bảo vệ môi trường, bầu trời, trái đất – mái nhà chung của chúng ta?  - GV nhận xét giờ học.  - GV nhận xét chung tiết học. | - HS vẽ tranh.  - HS chia sẻ.  - Không xả rác thải, chất thải, chặt phá rừng,…. Chúng ta cần có ý thức giữ gìn bầu trời và bảo vệ môi trường thiên nhiên để cuộc sống của con người ngày càng thêm đẹp đẽ. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 01: BẦU TRỜI (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết đúng chính tả bài thơ “Buổi sáng” trong khoảng 15 phút.

- Viết đúng từ ngữ chứa ch hoặc tr (at hoặc ac).

- Tìm đọc được bài văn, bài thơ,… viết về hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, gió).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các bài tập trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia làm việc trong nhóm để trả lời câu hỏi trong bài.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài viết.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Xem tranh đoán tên đồ vật chứa c.  + Câu 2: Xem tranh đoán tên đồ vật chứa k.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: cá chép  + Trả lời: quả khế  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. HĐ chuẩn bị viết chính tả.**  - GV giới thiệu nội dung: Bài thơ nói về cảnh vật, không gian làng quê vào buổi sáng bình yên.  - GV đọc toàn bài thơ.  - Mời 4 HS đọc nối tiếp bài thơ.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 nêu cách thức trình bày chính tả thông qua các câu hỏi gợi ý:  + Đoạn chính tả có mấy khổ thơ?  + Mỗi dòng thơ có mấy chữ?  + Hết mỗi khổ thơ cần trình bày thế nào?  + Những chữ nào trong bài viết cần viết hoa?  - Yêu cầu đọc thầm lại bài chính tả và lấy bảng con và viết một số từ dễ nhầm lẫm.  - Nhận xét bài viết bảng của học sinh, gạch chân những âm, vần cần lưu ý.  **2.2. HĐ viết bài chính tả.**  - Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 3 ô; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.  - GV đọc từng dòng thơ cho HS viết.  **2.3. HĐ soát lỗi và nhận xét bài.**  - GV đọc lại bài thơ cho HS soát lỗi.  - GV cho HS đổi vở dò bài cho nhau.  - Giáo viên nhận xét 3-5 bài về cách trình bày và nội dung bài viết của học sinh.  - GV nhận xét chung.  **3. HĐ làm bài tập:**  **Bài 2.** Chọn *chuyền* hoặc *thuyền* thay vào ô trống **(làm việc cá nhân).**  - GV mời HS nêu yêu cầu.  - Yêu cầu HS chọn và viết vào vở từ ngữ có tiếng *chuyền* hoặc *truyền.*  - 1 - 2 HS trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **Bài 3 b.** (làm việc nhóm 4)  - GV mời HS nêu yêu cầu.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - GV gọi các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - 4 HS đọc nối tiếp nhau.  - Thảo luận nhóm 4  + Bài thơ có 4 khổ  + Mỗi dòng có 4 chữ  + Giữa hai khổ thơ cách ra một dòng.  + Những chữ đầu dòng thơ  - Luyện viết bảng con: *sóng xanh, la đà, xà xuống.*  - Lắng nghe.  - HS viết bài.  - HS nghe, dò bài.  - HS đổi vở dò bài cho nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS trình bày kết quả.  - Kết quả: ***truyền*** *tin,* ***chuyền*** *cành,* ***truyền*** *hình, chơi* ***chuyền****, dây* ***chuyền****,* ***truyền*** *thống, bóng* ***chuyền****, lan* ***truyền****.*  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm nhận xét. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - Cho học sinh nêu lại tên bài học  - Cho HS đặt câu với một số từ ngữ: *chuyền, truyền*  - Nhận xét tiết học, tuyên dương những em viết chữ đẹp, trình bày cẩn thận, tiến bộ.  - Tìm đọc được bài văn, bài thơ,… viết về hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, gió).  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - Học sinh nêu  - Đặt câu  - Lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 02: MƯA (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ *Mưa,* ngữ điệu phù hợp với cảnh thiên nhiên sinh động. Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ, biết nghỉ hơi sau mỗi dòng hơ, đoạn thơ.

- Nhận biết được một số hình ảnh thơ về thế giới tự nhiên như: mặt trời, cây lá, sấm chớp,…; về con người: cảnh gia đình bình dị, ấm áp. Hiểu được nội dung bài thơ dựa vào các chi tiết hình ảnh.

- Hiểu được nội dung bài: Tả cảnh trời mưa và khung cảnh sinh hoạt ấm cúng của gia đình trong cơn mưa thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống gia đình của tác giả.

- Ôn lại chữ hoa O, Ô, Ơ cỡ nhỏ, thông qua viết ứng dụng (tên riêng và câu).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học (có khả năng quan sát các sự vật xung quanh); có tình yêu với thiên nhiên.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu những con người lao động.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý những con người lao động cần cù, chăm chỉ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Đọc đoạn 1 bài Nhìn lên bầu trời có thể thấy những gì?  + GV nhận xét, tuyên dương.  + Câu 2: Đọc đoạn 3 bài “Ngày gặp lại” và nêu nội dung bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV chiếu câu đố lên bảng, yêu cầu 1-2 HS đọc câu đố.  Tôi từ trời xuống  Tôi cho nước uống  Cho ruộng dễ cày  Cho đầy dòng sông  Cho lòng đất mát  *(Tôi là gì)*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi phán đoán về đáp án.  - Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.  + Đọc và trả lời câu hỏi: + Thấy những chú chim, những vòm cây, những tia nắng, những đám mây trắng muốt, những giọt mưa, đàn bướm.  + Đọc và trả lời câu hỏi: *Bài văn nói về vẻ đẹp và vai trò của bầu trời đối với cuộc sống của muôn loài trên Trái Đất.*  - HS lắng nghe.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày.*(Đáp án: Mưa)* |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ.  + Giọng đọc thể hiện được cảm xúc tưi vui trước hình ảnh thiên nhiên trong mưa; đọc trầm giọng xuống và nhấn giọng ở khổ thơ cuối.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia khổ thơ: (5 khổ)  + Khổ 1: Từ đầu đến *trong mây*.  + Khổ 2: Tiếp theo cho đến *nước mát*.  + Khổ 3: Tiếp theo cho đến *mưa rào*.  + Khổ 4: Tiếp theo cho đến *reo tí tách*.  + Khổ 5: Còn lại.  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo khổ thơ.  - Hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: *lũ lượt, chiều nay, lật đật, nặng hạt, làn nước mát, cụm lúa, xó kim, lửa reo, tí tách*,...  - Nhận xét, tuyên dương.  - Đọc mẫu, yêu cầu HS dùng bút chì đánh dấu cách ngắt nghỉ hơi.  - Gọi HS nêu cách ngắt nghỉ nhịp thơ:  *Chớp đông/ chớp tây//*  *Giọng trầm/ giọng cao//*  *Chớp dồn tiếng sấm//*  *Chạy trong mưa rào.//*  - GV mời HS nêu từ ngữ giải nghĩa trong SGK. GV giải thích thêm.  *-* Luyện đọc khổ thơ: GV tổ chức cho HS thi đọc khổ thơ giữa các nhóm.  - GV nhận xét các nhóm.  - Mời 1 HS đọc lại toàn bài.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Tìm từ ngữ, chi tiết tả cảnh vật trên bầu trời trước lúc mưa?  + Câu 2: Dựa vào khổ thơ 2 và 3, em hãy tả lại từng sự vật trong cơn mưa (cây, lá, gió, chớp).  - 1 HS đọc khổ thơ 2 và 3.  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện nhóm trả lời.  - GV nhận xét các nhóm.  + Câu 3: Buổi chiều mưa, mọi người trong gia đình làm gì?  + Câu 4: Vì sao mọi người lại thương bác ếch?  + Câu 5: Hình ảnh của bác ếch gợi cho em nhớ tới ai ?  + Câu 6: Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?  - GV mời HS nêu nội dung bài thơ.  **\* Nội dung:** Tả cảnh trời mưa và khung cảnh sinh hoạt ấm cúng của gia đình trong cơn mưa thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống gia đình của tác giả.  **2.3. Hoạt động 3: Luyện đọc thuộc lòng (làm việc cá nhân, nhóm 2).**  - GV cho HS học thuộc 4 khổ thơ đầu và đọc một lượt.  - GV cho HS luyện đọc theo cặp.  - GV cho HS luyện đọc nối tiếp.  - GV mời một số học sinh thi đọc thuộc trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Học sinh luyện đọc từ khó (cá nhân, cả lớp).  - 2-3 HS đọc câu thơ.  - HS đọc giải nghĩa từ.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi.  *+ Mây đen lũ lượt kéo về, mặt trời chui vào trong mây.*  - HS đọc khổ thơ 2 và 3.  - HS thảo luận nhóm.    - Nhận xét câu trả lời của nhóm bạn.  + Cả nhà ngồi bên bếp lửa, bà xâu kim, chị ngồi đọc sách, mẹ làm bánh khoai. Khung cảnh gia đinhg thật ấm áp, mặc dù bên ngoài trời mưa gió.  + Vì bác lặn lội trong mưa gió để xem từng cụm lúa đã phất cờ chưa.  + Đến các bác nông dân đang lặn lội làm việc ngoài đồng trong gió mưa. (…)  - HS nêu chọn một khổ thơ mà mình yêu thích, nói rõ lí do vì sao em thích.  - 2-3 HS nhắc lại nội dung bài thơ.  - HS chọn 4 khổ thơ và đọc lần lượt.  - HS luyện đọc theo cặp.  - HS luyện đọc nối tiếp.  - Một số HS thi đọc thuộc trước lớp. |
| **3. Luyện viết***.* | |
| **3.1. Hoạt động 4: Ôn chữ viết hoa (làm việc cá nhân, nhóm 2)**  - GV dùng video giới thiệu lại cách viết chữ hoa O, Ô, Ơ.  - GV viết mẫu lên bảng.  - GV cho HS viết bảng con (hoặc vở nháp).  - Nhận xét, sửa sai.  - GV cho HS viết vào vở.  - GV chấm một số bài, nhận xét tuyên dương.  **3.2. Hoạt động 5: Viết ứng dụng (làm việc cá nhân, nhóm 2).**  **a. Viết tên riêng.**  - GV mời HS đọc tên riêng.  - GV giới thiệu: Sông Ông Đốc thuộc tỉnh Cà Mau. Ddây là nơi chứng kiến những sự kiện lịch sử của vùng đất Cà Mau từ thời kì đầu khai phá đến hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta.  - GV yêu cầu HS viết tên riêng vào vở.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **b. Viết câu.**  - GV yêu cầu HS đọc câu.  - GV giới thiệu câu ứng dụng: Hai câu ca dao thể hiện niềm vui của người nông dân về thời tiết thuận hòa đã giúp cho công việc nhà nông trở nên thuận lợi.  - GV nhắc HS viết hoa các chữ trong câu thơ: Ơ, N. Lưu ý cách viết thơ lục bát.  - GV cho HS viết vào vở.  - GV yêu cầu nhận xét chéo nhau trong bàn.  - GV chấm một số bài, nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát video.  - HS quan sát.  - HS viết bảng con.  - HS viết vào vở chữ hoa O, Ô, Ơ.  - HS đọc tên riêng: sông Ông Đốc.  - HS lắng nghe.  - HS viết tên riêng sông Ông Đốc vào vở.  - 1 HS đọc yêu câu:  Ơn trời mưa nắng phải thì,  Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.  *(Ca dao)*  - HS lắng nghe.  - HS viết câu thơ vào vở.  - HS nhận xét chéo nhau. |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và giáo dục HS.  =>Tổng kết nội dung bài, giáo dục bảo vệ môi trường: *Mưa làm cho cây cối, đồng ruộng thêm tươi tốt; mưa cung cấp nguồn nước cần thiết cho con người chúng ta. Chúng ta cần bảo vệ môi trường để có nguồn nước mưa sạch.*  *+ Vậy cần bảo vệ môi trường như thế nào?*  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Lắng nghe  *+ Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ bầu không khí,.…*  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 02: MƯA (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Mở rộng vốn từ về các hiện tượng tự nhiên.

- Phân biệt câu theo mục đích nói: câu cảm, câu khiến (thể hiện qua dấu câu và các công cụ của từng kiểu câu).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc bài: “Em yêu biển lắm”  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thát và vận động theo nhạc. |
| **2. Khám phá***.* | |
| **Bài 1: Sắp xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.** (Làm việc nhóm 2)    - GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm làm việc.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ chỉ hiện tượng thiên nhiên** | **Từ ngữ chỉ đặc điểm** | | Mưa, gió, nắng, bão, lũ, hạn hán | Nóng, xối xả, mát rượi, lạnh, nứt nẻ, chói chang |   **Bài 2: Ghép thẻ chữ để gọi tên các loại mưa và gió** (làm việc nhóm 4)    - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm làm việc.  - Các nhóm lần lượt ghép các thẻ chữ chứa tiếng mưa, gió với các tiếng cột bên.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **Bài 3:** Xếp các câu dưới đây vào kiểu câu thích hợp. (làm việc cá nhân)    - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc.  - GV mời HS trình bày kết quả.  **Câu cảm:**  + Hãy đội mũ khi đi ra ngoài trời nắng!  + Sắp mưa rồi, con cất quần áo đi!  **Câu khiến:**  **+** Trời ơi! Nóng quá!  + Gió thổi mát quá!  - GV yêu cầu HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS suy nghĩ, ghép thẻ.  - Một số HS trình bày kết quả.  - Đáp án: + mưa phùn, mưa rào, mưa bóng mây  + gió mùa đông bắc, gió heo may  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - HS trình bày.  - Các nhóm nhận xét chéo nhau.  - Theo dõi bổ sung. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - Hôm nay các em học bài gì?  + Em hãy đặt 1 câu cảm thán và 1 câu câu khiến.  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm thêm các từ ngữ chỉ thiên nhiên, đặt câu theo kiểu câu cảm thán và câu khiến.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS trả lời.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 02: MƯA (T4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết kể lại một sự việc dựa vào nội dung tranh và sơ đồ gợi ý.

- Viết được đoạn văn nói về diễn biến của sự việc dựa vào điều đã nói.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe và kịp thời hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - Cho HS nghe bài hát: “*Hãy chung tay bảo vệ môi trường*”  - GV dẫn dắt vào bài mới | - Nghe bài hát: “*Hãy chung tay bảo vệ môi trường*” |
| **2. Khám phá***.* | |
| **Bài tập 1:** Quan sát tranh, nói nội dung từng tranh. (làm việc nhóm)    - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV yêu cầu các nhóm quan sát tranh, dựa vào câu nói trong tranh để nói về nội dung của mỗi tranh.  - GV yêu cầu HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án.  **Tranh 1:** Kể về một giờ hocjvex ngoài trời của các bạn HS. Thầy giáo nhắc các bạn hãy quan sát và chọn cảnh mình thích nhất để vẽ.  **Tranh 2:** Bạn nhỏ đang say mê vẽ tranh./ Các bạn nhỏ ngồi dưới những gốc cây và say sưa vẽ tranh./ Dưới một gốc cây, một bạn nữ đã vẽ xong bức tranh về nặt trời. Một bạn nữ khác đang vẽ tranh bông hoa đỏ thắm. Ở một gốc cây gần đó, một bạn nam cũng rất chăm chú với bức vẽ của mình.  **Tranh 3:** Cả lớp đang vẽ thì trời đổ mưa. Các bạn vội vàng gọi nhau tìm chỗ trú.  **Tranh 4:** Bức tranh của các bạn rất đặc biệt. Vì bạn nào cũng vẽ cảnh vật trong mưa. Bông hoa nở trong mưa. Chiếc lá trong mưa và cả chú chim đứng trú mưa dưới tán lá.  **Bài tập 2:** Dựa vào sơ đồ dưới đây, nói về một hoạt động ngoài trời mà em được chứng kiến hoặc tham gia. (làm việc nhóm đôi)    - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi.  **\* Nội dung hỏi đáp 1:** Giới thiệu về hoạt động  + Bạn sẽ kể về hoạt động gì?  + Giờ học vẽ ở đâu? Có những ai tham gia?  **\* Nội dung hỏi đáp 2:** Nêu diễn biến của hoạt động.  + Việc gì diễn ra đầu tiên? Những việc gì diễn ra tiếp theo?  + Việc gì ấn tưởng nhất?  + Buổi học vẽ kết thúc thế nào?  **\* Nội dung hỏi đáp 3:** Nêu nhận xét về hoạt động  + Bạn có cảm nghĩ gì về giờ học vẽ đó?  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **Bài tập 3:** Viết đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời dựa vào những điều em đã nói ở ý b bài tập 2.  **(Làm việc cá nhân)**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS viết vào vở đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời.  - GV yêu cầu HS trình đoạn văn.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung. | - HS đọc yêu cầu bài tập 1.  - HS quan sát tranh, suy nghĩ và trả lời.  - HS làm việc theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu bài 2.  - Đại diện các nhóm HS thực hành hỏi đáp theo cặp đôi.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS viết đoạn văn vào vở.  - HS trình bày kết quả.  - Nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, điều chỉnh. |
| **3. Vận dụng.** | |
| - GV cho HS đọc bài mở rộng “Mèo con và hoa nắng” trong SGK.  - GV trao đổi với HS về những hiện tượng thiên nhiên xuất hiện trong bài.  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ,...viết hiện tượng thiên nhiên (nắng, mưa, gió).  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS đọc bài mở rộng.  - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Bài 16: SỬ DỤNG HỢP LÍ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:**

– Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày.

– Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương.

– Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. Mẫu “Phiếu tìm hiểu cách sử dụng thực vật, động vật”.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| –GV nêu câu hỏi gợi mở (như gợi ý SGK) để HS kể được tên những thức ăn, đồ dùng làm từ thực vật và động vật.  –GV khuyến khích HS chia sẻ hiểu biết.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS chia sẻ ,kể: Một số thức ăn, đồ dùng được chế biến, làm từ thực vật và động vật là: rau, thịt, cá, trứng, hoa quả, cặp da, ví da, sữa, tinh dầu, dầu gấc, dầu cá, mật ong,...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | |
| **Hoạt động 1. (làm việc nhóm)**  **–**GV yêu cầu HS đọc câu dẫn, đọc yêu cầu của hoạt động, quan sát hình 1, 2, 3, 4 và thực hiện theo yêu cầu.  Giải bài 16 Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  -GV yêu cầu HS chia sẻ ý kiến trong nhóm.  –Đại diện một số nhóm HS đứng lên chia sẻ kết quả làm việc nhóm.  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  **GV chốt kiến thức.**  Con người sử dụng thực vật và động vật để:   * Làm lương thực, thực phẩm. * Làm các đồ dùng, nội thất trong gia đình. * Làm đồ uống. * Làm thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thuốc. | - Học sinh đọc yêu cầu bài và HS quan sát và nói được mục đích con người sử dụng của thực vật, động vật.  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| **Hoạt động 2. (làm việc nhóm 2)**  –GV yêu cầu HS đọc yêu cầu hoạt động và thực hiện thảo luận nhóm 2  -GV tổ chức cho HS báo cáo trước lớp  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm: Có rất nhiều ích lợi của thực vật và động vật đã mang lại, phục vụ đời sống hằng ngày. | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  Một số việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống mà em biết:   * Làm nước hoa, tinh dầu. * Làm mứt, bánh kẹo. * Trang trí. * Làm đệm cao su. * Làm nón, làm chiếu, làm mũ   - 1 HS nêu lại nội dung HĐ2 |
| **Hoạt động 3. (Làm việc nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu hoạt động và trả lời câu hỏi: Nhận xét việc sử dụng thực vật và động vật của con người trong mỗi hình sau:  Giải bài 16 Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  **Gợi ý câu hỏi : +**Hình 5: Bác gái đã sử dụng nguyên liệu gì để ủ phân bón cây? Việc làm đó có hợp lí không?  +Hình 6: Bạn trai đang có hành động gì? Việc làm đó hợp lí không?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV đọc “Em có biết”, giải thích thêm về việc sử dụng gỗ làm nguyên liệu để làm các loại giấy, vì vậy tiết kiệm giấy chính là giảm tiêu tốn gỗ vào việc sản xuất giấy.  Text, letter  Description automatically generated | - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  Việc sử dụng thực vật và động vật của con người trong mỗi hình sau:  - Những việc làm ở hình 5 và hình 7 là đúng vì việc làm của mỗi người đang tiết kiệm và bảo vệ môi trường.  - Những việc làm ở hình 6 và hình 8 là sai vì các bạn đang lãng phí đồ ăn và lãng phí giấy vệ sinh làm ảnh hưởng đến môi trường. - Các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng.** | |
| -GV đặt câu hỏi: Em nễu lại lợi ích của động vật và thực vật..  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS trả lời |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ....................................................................................................................................... | |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Bài 16: SỬ DỤNG HỢP LÍ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:**

– Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày.

– Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương.

– Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện..

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV yêu câu học sinh kể con người sử dụng thực vật và động vật để làm gì?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS kể |
| **2. Thực hành***:* | |
| **Hoạt động 1. (làm việc nhóm)**  **-** GV nêu yêu cầu: Tìm hiểu cách sử dụng động vật và thực vật trong gia đình, ở cộng đồng địa phương theo gợi ý  Giải bài 16 Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  –GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả nhóm, các nhóm khác tham quan, học hỏi.  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Thảo luận nhóm  - Nhóm báo cáo  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe1 |
| **Hoạt động 2. (làm việc nhóm 2)**  - GV chia sẻ 2 bức tranh và nêu câu hỏi: Em ứng xử như thế nào trong các tình huống sau:  Giải bài 16 Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  - Hình 10: Em sẽ khuyên bạn nam quần vẫn còn mới, nếu bỏ đi thì sẽ rất phí, vừa lãng phí tiền của, vừa gây ô nhiễm môi trường.  - Hình 11: Em sẽ nói với hai bạn việc săn bắt chim trời và thú rừng là trái phép. Việc này sẽ làm giảm số lượng của các loại vật trên trái đất và gây ra mất cân bằng hệ sinh thái. |
| **3. Vận dụng***:* | |
| **Hoạt động 4. Cá nhân**  - GV yêu cầu Hs Đề xuất một số việc em có thể làm để sử dụng thực vật và động vật hợp lí.  Giải bài 16 Sử dụng hợp lí thực vật và động vật  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Hoạt động 5.** Chia sẻ ý kiến của em với gia đình, những người xung quanh để cùng sử dụng hợp lí thực vật và động vật.  - Nhận xét bài học.  - Dặn dò về nhà. | - Học sinh chia sẻ.  -  Một số việc em có thể làm để sử dụng thực vật và động vật hợp lí:  - Sử dụng rau, vỏ hoa quả để làm phân bón cho cầy.  - Không bỏ thừa thức ăn.  - Không ăn thịt thú rừng.  - Không bắt gấu để lấy mật, bắt tê giác để lấy sừng.  - Các quần áo đã cũ có thể sử dụng làm túi, hoặc khăn lau nhà.  - Học sinh chia sẻ. |

**ĐẠO ĐỨC**

**CHỦ ĐỀ 5: TÍCH CỰC HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

**Bài 06: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Củng cố, khắc sâu những kiến thức về tích cực hoàn thành nhiệm vụ và thực hành xử lí tình huống cụ thể.

- Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ.

- Hình thành và phát triển, biết điều chỉnh bản thân để có thái độ và hành vi chuẩn mực của tích cực hoàn thành nhiệm vụ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV cho HS chơi trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu những biểu hiện của hoàn thành tốt nhiệm vụ  +Câu 2: Ý nghĩa của hoàn thành tốt nhiệm vụ là gì?  + Câu 3: Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, em cần thực hiện các bước nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi.  + Những biểu hiện thể hiện việc tích cực hoàn thành nhiệm vụ: tự giá, không ngại khó, không ngại khổ, làm việc có trách nhiệm …  + Tích cực hoàn thành nhiệm vu sẽ giúp em tiến bộ trong học tập, trong công việc; mạnh dạn, tự tin trong các hoạt động tập thể; được mọi người tin yêu, quý mến.  - Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, em cần thực hiện các bước sau:  + Bước 1: Xác định nhiệm vụ đó là gì?  + Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực hiện. Trong bước này chúng ta cần liệt kê các công việc cần thực hiện, xác định cách thức thực hiện, xác định thời gian thực hiện từng việc. Nếu là nhiệm vụ làm theo nhóm thì cần xác định người phụ trách cho mỗi việc.  + Bước 3: Thực hiện công việc theo kế hoạch.  + Bước 4: Đánh giá kết quả công việc đã thực hiện theo các tiêu chí: về thời gian và chất lượng  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập:**  **Bài 1: Bày tỏ ý kiến (làm việc cá nhân)** | |
| - GV yêu cầu 1HS đọc yêu cầu của bài trong SGK.  - GV mời 1 HS đọc từng ý kiến trong SGK  - YC cả lớp bày tỏ thái độ tán thành hoặc không tán thành với từng ý kiến bằng cách giơ thẻ  - GV mời 1 vài HS giải thích vì sao tán thành hoặc không tán thành  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:  *Đồng tình với ý kiến của Nam, Ngân, Đức; không đồng tình với ý kiến của Hòa.* | -1 HS đọc YC  -1 HS đọc các ý kiến  -Cả lớp bày tỏ thái độ  -HS giải thích:  \* Em đồng tình với ý kiến của bạn Nam, Ngân và Đức vì:  + Bạn Nam: được giao cho nhiệm vụ để thực hiện chứng tỏ chúng ta là một người có trách nhiệm, nhận được sự tin tưởng, tín nhiệm của những người xung quanh.  + Bạn Ngân: hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ khiến mọi người càng thêm yêu quý, tin tưởng vào khả nằng và sự nỗ lực, có trách nhiệm của chúng ta.  + Bạn Đức: mỗi nhiệm vụ được giao đều có mục đích và lợi ích riêng. Tích cực hoàn thành nhiệm vụ sẽ giúp chúng ta thu được những lợi ích đó, phục vụ cho học tập và công việc.  \* Em không đồng tình với ý kiến của bạn Hoà vì dù là nhiệm vụ bản thân thích hay không thích, chúng ta đều nên thực hiện tốt để không phụ sự kì vọng của mọi người và đem lại kết quả tốt cho bản thân.  + HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **Bài 2: Nhận xét hành vi (làm việc nhóm 2)** | |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cẩu của bài  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK và nhận xét bạn nào tích cực, bạn nào chưa tích cực hoàn thành nhiệm vụ và giải thích vì sao? theo nhóm đôi  - GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày về 1 tranh.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn  -GV NX và kết luận:  + Tranh 1: Bạn Quân chưa tích cực, vì bạn từ chối công việc, không nhận nhiệm vụ mà nhóm trưởng giao.  + Tranh 2: Bạn nữ là người tích cực, vì bạn xung phong trình bày kết quả làm việc của nhóm.  + Tranh 3: Bạn nam là người tích cực, vì mặc dù tối muộn nhưng bạn ấy vẫn cố gắng để hoàn thành bức vẽ đúng hạn.  + Tranh 4: Hai bạn nữ chưa tích cực, vì trong lúc các bạn khác đang lao động, vệ sinh trường lớp thì hai bạn rủ nhau ra chỗ khác chơi.  + Tranh 5: Bạn nam là người tích cực, vì bạn xung phong tham gia đội Sao đỏ của trường. | - 1HS đọc yêu cầu  -HS lần lượt nhận xét:  + Tranh 1: Bạn Quân chưa tích cực, vì bạn từ chối công việc, không nhận nhiệm vụ mà nhóm trưởng giao.  + Tranh 2: Bạn nữ là người tích cực, vì bạn xung phong trình bày kết quả làm việc của nhóm.  + Tranh 3: Bạn nam là người tích cực, vì mặc dù tối muộn nhưng bạn ấy vẫn cố gắng để hoàn thành bức vẽ đúng hạn.  + Tranh 4: Hai bạn nữ chưa tích cực, vì trong lúc các bạn khác đang lao động, vệ sinh trường lớp thì hai bạn rủ nhau ra chỗ khác chơi.  + Tranh 5: Bạn nam là người tích cực, vì bạn xung phong tham gia đội Sao đỏ của trường.  Tranh 6: Bạn nữ chưa tích cực, vì ngại trời lạnh nên không rửa bát.  -HS nghe |
| **Bài 3: Xử lí tình huống (Làm việc nhóm 4)** | |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cẩu của bài  **-** GV cho HS thảo luận nhóm 4, đóng vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra cách giải quyết trong mỗi tình huống.  - GV mời các nhóm lên đóng vai  - GV NX và tuyên dương | -1HS đọc yêu cầu  -HS thảo luận nhóm 4  -Nhóm đóng vai  + Tình huống 1: Nếu làm nhóm trưởng em sẽ chủ động phân công công việc cho tất cả các bạn ở trong nhóm sao cho ai cũng được tham gia sưu tầm tư liệu cho bài học tuần tới và quy định thời gian hoàn thành cho các bạn trong nhóm.  + Tình huống 2: Nếu là lớp phó phụ trách văn nghệ em, em sẽ trao đổi với lớp về tiết mục văn nghệ, sau đó xây dựng kế hoạch tập văn nghệ và cố gắng tạo cơ hội cho càng nhiều bạn tham gia càng tốt, đặc biệt là các bạn nam hoặc vận động các bạn cùng tham gia.  + Tình huống 3: Nếu là Huy, em hẹn lại thời gian với Huy và tranh thủ sắp xếp, lau dọn phòng học, phòng ngủ thật nhanh và gọn gàng rồi mới sang nhà Tân chơi.  -Các nhóm khác xem và nhận xét  -HS nghe |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức cho HS chia sẻ 3 điều em thích ở tiết học hôm nay.  - Mời đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, tuyên dương | - HS chia sẻ với các bạn  - Các nhóm nhận xét và bổ sung  - HS lắng nghe,rút kinh nghiệm |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**LUYỆN TIÉNG VỆT**

**TUẦN 19**

**BÀI 2: MƯA (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Viết được đoạn văn nói về diễn biến của sự việc dựa vào điều đã nói.

+ Viết được hiện tượng tự nhiên trong các bài đọc vào phiếu đọc sách.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: viết được đoạn văn ngắn nêu cảm xúc của em về một cảnh đẹp của đất nước

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Viết về một cảnh đẹp của đất nước

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Yêu quê hương, đất nước

- Phẩm chất nhân ái: Viết được đoạn văn

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt;

***2. Học sinh:*** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bút, thước

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - Cho HS nghe bài hát: “*Hãy chung tay bảo vệ môi trường*”  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học | - HS lắng nghe  - HS nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** Luyện viết  - GV đọc yêu cầu viết đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời  + Gọi 2 HS đọc lại.  + HD HS nhận xét:  H: Đoạn văn bạn viết có mấy câu? Cách bạn miêu tả như thế nào?  H: Em thích hình ảnh miêu tả nào của bạn? Vì sao?  + HD HS sửa từ dùng chưa chính xác.  - Cho HS đọc thầm và viết ra lại đoạn văn đã sửa từ, cách diễn đạt.  + Chấm, chữa bài.  - GV thu chấm 5 - 7 bài nhận xét, rút kinh nghiệm.  **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập  - GV giao bài tập HS làm bài.  - GV lệnh HS làm bài tập 4,5/7 Vở Bài tập Tiếng Việt.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 12 phút.  - GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.  **Hoạt động 3:** Chữa bài  - GV Gọi 1 HV lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.  **Bài 4: Viết 1-2 câu bộc lộ cảm xúc của em khi nhìn thấy cầu vồng sau cơn mưa.**  - GV cho HS lên thực hiện  - GV nhận xét, khen  *🡺* GV chốt: Cách viết cau bộc lộ cảm xúc khi nhìn thấy hiện tượng thiên nhiên  **Bài 5: Đọc bài Mèo con và hoa nắng hoặc tìm đọc bài văn, bài thơ…về hiện tượng tự nhiên và viết thông tin vào phiếu đọc sách.**  - GV gọi 1 HS nêu yêu cầu.  - Yêu cầu HS nêu câu chuyện, bài văn, bài thơ đã chuẩn bị. (có thể chọn bài *Mèo con và hoa nắng*)  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **3. HĐ Vận dụng** | - HS nghe, quan sát, viết bài ra vở luyện viết.  - HS đọc bài.  - HS nhận xét.  - HS nêu và giải thích.  - Lắng nghe, sửa lại.  - Học sinh làm việc cá nhân    - HS theo dõi.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - Hs làm bài  - 1 Hs lên chia sẻ.  - HS thực hiện yêu cầu  - HS nhận xét, bổ sung  - Hs nêu*.*  - HS nêu bài mình chọn.  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - 4,5 HS chia sẻ. Lớp điền phiếu đọc sách. |
| - GV trao đổi với HS về những hiện tượng thiên nhiên xuất hiện trong bài.  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ,...viết hiện tượng thiên nhiên (nắng, mưa, gió).  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**LUYỆN TOÁN**

**BÀI 45: LUYỆN TẬP (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Đọc, viết thành thạo các số có bốn chữ số

+ Nhận biết số tròn trăm, tròn chục

+ Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán.

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 5,6 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 5,6 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Viết số thích hợp(VBT /5)**  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. | - HS nối tiếp trả lời  a) 4 283; b) 5 071  c) 9 230; d) 2 892  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Số (VBT /5)**  - GV cho HS nêu kết quả  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án.  - GV giới thiệu HS đây là dãy số tròn nghìn  - Yêu cầu HS giải thích cách điền số | - HS thực hiện làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  a) 5 000; 6 000  b) 7 000; 8 000  - HS nêu cách điền số vào ô trống:  Số liền sau lớn hơn số liền trước 1 000 đơn vị. |
| **\* Bài 3: VBT/ 6**  - GV cho 4HS lên bảng làm bài tập  - GV nhận xét, khen học sinh và chốt đáp án. | - HS lên bảng làm bài  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát  *a) 6 728= 6 000+700+20+8*  *b) 9170= 9 000+100+70*  *c) 2 089 = 2 000+ 80+9*  *d) 4 650= 4 000+ 600+ 50* |
| **\* Bài 4: VBT/ 6**  - GV cho đọc câu hỏi và xác định yêu cầu đề bài.  - Gọi 1HS nêu đáp án  - GV nhận xét, chốt kết quả.  **\* Bài 5: VBT/ 6**  - GV gọi hs nêu câu hỏi.  - Gọi 1HS trình bày bài làm  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - HS đọc câu hỏi và xác định yêu cầu .  - Hs nêu kết quả: đáp án C  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS nêu câu hỏi  -1 HS trình bày bài làm:  5 200; 5 700; 7 500;  7 200; 2 500; 2 700.  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi  Ai nhanh- Ai đúng  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG**

**Sinh hoạt theo chủ đề: LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP GIA ĐÌNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

– HS chia sẻ về công việc của người thân mang lại thu nhập cho gia đình.

– Thiết kế được sơ đồ tư duy về thu nhập của gia đình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất trách nhiệm: : Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức cho cả lớp Chơi trò chơi với quả bóng: “Mình cần gì để sống?”  − GV giới thiệu luật chơi: GV tung bóng cho ai thì người đó nói đến một thứ cần thiết cho cuộc sống của gia đình mình.  −GV tung bóng cho khoảng 10 – 15 HS và đặt câu hỏi gợi ý (HS lần lượt nói: ăn uống, quần áo, sách vở để học, đồ giải trí, quà sinh nhật, đi du lịch,…).  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Cuộc sống gia đình chúng ta cần rất nhiều thứ. Muốn có những thứ đó, người thân của các em đều phải lao động để kiếm tiền chi trả. Chúng ta đã bao giờ hỏi xem, thu nhập của họ thế nào chưa? Chúng ta đã bao giờ hỏi người thân xem, họ có cảm thấy áp lực, vất vả khi kiếm tiền để đáp ứng nhu cầu của gia đình mình chưa?*  -GV đưa ra thẻ từ THU NHẬP (GV giải thích: Số tiền một người được nhận khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp hoặc lao động trong một thời gian nhất định). GV nói thêm: Bố mẹ em đi làm, cuối tháng sẽ được nhận lương. Đó là thu nhập. Người thân trồng cam, cuối vụ bán cam được một khoản tiền – đó là thu nhập. | - HS hát  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | |
| **\* Hoạt động 1: Kể về công việc của người thân mang lại thu nhập cho gia đình**  −GV mời HS làm việc cặp đôi. GV đề nghị HS cùng nhắm mắt trong một phút, hình dung ra người thân của mình: Họ làm gì mỗi sáng, ra khỏi nhà vào lúc nào, đi đâu?Họ mặc trang phục thế nào? Khi trở về, họ có mệt mỏi không? Có khi nào họ tỏ ra rất vui và chia sẻ với em về công việc của mình không?…  −GV mời HS chia sẻ với bạn:  +Người thân của em làm nghề gì?  +Thu nhập gia đình em có được từ những hoạt động nào của người thân? (Đi làm, làm thêm, trồng trọt, chăn nuôi, buôn bá  n,…).  +Theo em, công việc của người thân có vất vả không, có khó không?  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV giải thích kĩ hơn cho HS biết thế nào là TIỀN LƯƠNG; thế nào là LAO ĐỘNG và thu nhập không phải TIỀN LƯƠNG, từ đó gợi ý cho HS quyết tâm tìm hiểu kĩ hơn về công việc lao động của người thân và thu nhập hằng tháng của họ.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Học sinh làm việc nhóm đôi  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét ý kiến của bạn  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập***:* | |
| **Hoạt động 2. Thiết kế sơ đồ tư duy về thu nhập của gia đình**  GV đề nghị HS thảo luận nhóm về nội dung các nhánh của sơ đồ tư duy: Gia đình em có những thành viên nào có lao động mang lại thu nhập? Có các nguồn thu nhập khác như trồng cây, chăn nuôi, bán hàng không?  - GV mời trình bày  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  -GV chốt: Chúng ra cần biết về thu nhập của người thân để cổ vũ, động viên người thân trong công việc, tham gia hỗ trợ để có thêm thu nhập cho gia đình. | - Học sinh chia nhóm 2 chia sẻ  -HS thảo luận.  - Đại diện các trình bày |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV gợi ý HS về nhà phỏng vấn người thân về các nguồn thu nhập trong gia đình.  – Viết, vẽ lại sơ đồ tư duy theo nội dung đã thống nhất trên lớp..  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG**

**Sinh hoạt cuối tuần: MUA SẮM TIẾT KIỆM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

HS cùng nhau nghĩ thêm nhiều cách để bày tỏ và cảm nhận tình cảm giữa các thành viên trong gia đình..

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất trách nhiệm: : Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV mở bài hát “Ba ngọn nến lung lình” để khởi động bài học.  + GV nêu câu hỏi: bài hát nói về điều gì?  + Mời học sinh trình bày.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - HS trả lời: bài hát nói tình cảm gia đình.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:* | | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  + Kết quả sinh hoạt nền nếp.  + Kết quả học tập.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. | |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.** | | |
| **Hoạt động 3. Xử lí tình huống mua sắm tiết kiệm, phù hợp với thu nhập của gia đình**  GV mô tả từng tình huống trong gia đình và mời HS sắm vai người con đưa ra phương án cho người thân:  – Mẹ cùng con đi chợ. Mẹ muốn mua hoa quả nhập khẩu để bày mâm ngũ quả ngày Tết. Mẹ hỏi con có nên mua không.  – Bố đưa con đi mua sắm, định mua cho con đôi giày mới nhưng đôi giày cũ của con vẫn còn rất đẹp và tốt. Người con đề xuất gì?  – Ông bà định mua phong bao lì xì. Người cháu vừa học được cách làm phong bao lì xì. Cháu sẽ nói gì?  – GV có thể mời HS đưa ra các tình huống khác để đố các bạn giải quyết.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV khen ngợi cả lớp đã biết “nghĩ lại” mỗi khi cần quyết định mua sắm, như vậy là đã biết nghĩ đến lao động vất vả của người thân. Tất cả cùng nghĩ ra câu khẩu hiệu để khuyến khích mua sắm phù hợp, tiết kiệm. VD: “Mua vừa đủ, không mua thừa!”. | - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - HS Sắm vai  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **4. Thực hành.** | | |
| **Hoạt động 4: Chia sẻ sơ đồ tư duy về thu nhập của các thành viên trong gia đình**  − GV mời HS trưng bày sơ đồ tư duy theo nhóm. Các thành viên trong nhóm lắng nghe và đặt câu hỏi cho các bạn.  − Thảo luận về những việc em có thể làm để cùng người thân tăng thu nhập cho gia đình.  - GV mời HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương khả năng quan sát tinh tế của các nhóm.  - GV chốt: Ở gia đình nào người thân của các em cũng lao động, làm việc để có thu nhập, đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Tuy chúng ta chưa đi làm nhưng vẫn có thể góp sức giúp người thân tăng thu nhập gia đình. | | - Học sinh chia sẻ  - HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **5. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV đề nghị HS về nhà hỏi người thân về tiền điện, nước,… trong tháng vừa qua của gia đình, ghi lại để đến lớp thảo luận cùng các bạn.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |